

Số: 13/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 19 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; mã định danh cá nhân số 030182017511; địa chỉ: thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Đăng H, sinh năm 1997; mã định danh cá nhân số 064097006956; địa chỉ: tổ A, phường A, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền số công chứng 0273/2025/CCGD ngày 16/01/2026).

- Bị đơn: Bà Lương Gia Q, sinh năm 1977; mã định danh cá nhân số 064177005920; địa chỉ: thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Văn H1, sinh năm 1984; mã định danh cá nhân số 060084010843; địa chỉ: thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai.

+ Ông Lê Văn Q1, sinh năm 1976; mã định danh cá nhân số 077076001847; địa chỉ: thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hợp đồng đặt cọc: Các đương sự thống nhất huỷ Hợp đồng đặt cọc ngày 15/12/2025, giữa bên bán (bên nhận cọc) bà Lương Gia Q với bên mua (bên đặt cọc) bà Nguyễn Thị T, đối tượng để thực hiện hợp đồng đặt cọc là thửa đất số 156, tờ bản đồ số 37, diện tích 1987,7 m², địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã I, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 100355 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 19/01/2023.

2.2. Về nghĩa vụ thanh toán: Bà **Lương Gia Q** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền 100.000.000 đồng, chia thành các đợt như sau:

Đợt 1: Ngày 10/4/2026 thanh toán số tiền 40.000.000 đồng;

Đợt 2: Ngày 10/5/2026 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng;

Đợt 3: Ngày 10/6/2026 thanh toán số tiền 30.000.000 đồng là hết nợ.

Khi đến hạn thanh toán đã ấn định nêu trên mà bà **Lương Gia Q** vi phạm một trong các nghĩa vụ thanh toán thì bà **Nguyễn Thị T** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành án một lần đối với toàn bộ số tiền nợ còn lại mà bà **Lương Gia Q** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Nguyễn Thị T** theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Bà **Lương Gia Q** tự nguyện chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà **Nguyễn Thị T** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000854 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 – Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nay Lu Vinh